

Bản án số: 34/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 02 – 2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Phú Lộc, ông Huỳnh Tấn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Phát Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 555/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972 (căn cước 089172000653); cư trú tại: số 518, tổ 21, ấp VQ, xã VTT, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Hoàn N, sinh năm 1974 (căn cước công dân 089074001131); cư trú tại: số 518, tổ 21, ấp VQ, xã VTT, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/11/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà và ông N do gia đình hai bên mai mối và sau 5 tháng tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VTT vào ngày 01/02/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông N không lo kinh tế gia đình, bất đồng quan điểm sống, sinh hoạt trong gia đình đều do bà lo. Vợ chồng đã 02 lần sống ly thân, ly thân lần đầu là vào năm

2016, ly thân lần thứ hai vào năm 2023 cho đến nay. Sau khi ly thân vợ chồng có tìm cách hàn gắn để về chung sống nhưng sau khi về chung sống thì lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông N.

- Về con chung: có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 28/3/1991 và Nguyễn Hoàn N1, sinh ngày 16/6/1993. Hiện 02 (hai) con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Nguyễn Hoàn N vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại xã VTT, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà M và ông N xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VTT theo giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 01/02/2016. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 9 và Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, ông bà đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên làm cho hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đã 02 lần sống ly thân, lần ly thân gần nhất là vào năm 2023 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông bà đoàn tụ nhưng bà M cương quyết ly hôn, ông N trực tiếp nhận các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến. Qua đó, cho

thấy ông N không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà M là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: hiện 02 (hai) con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự: bà M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Hoàn N.

- Về con chung: 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 28/3/1991 và Nguyễn Hoàn N1, sinh ngày 16/6/1993, hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

- Về án phí dân sự: bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011749 ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

- Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV13 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã VTT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Quang